

Số: 79 /BC-UBND

Nghi Xuân, ngày 19 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

Thông kê tổng hợp ngành xây dựng năm 2016 theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng trên địa bàn huyện Nghi Xuân

Thực hiện Văn bản số 531/SXD-KTQH₇ ngày 14/3/2018 của Sở Xây dựng về việc báo cáo số liệu theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành xây dựng. Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thống kê, phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp các nội dung theo yêu cầu, bao gồm:

1. Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn (Biểu số 03/BCĐP).
2. Số lượng và dân số đô thị (Biểu số 06/BCĐP).
3. Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị (Biểu số 07/BCĐP).
4. Diện tích đất đai đô thị (Biểu số 08/BCĐP).
5. Dự án đầu tư phát triển đô thị (Biểu số 09/BCĐP).
6. Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở đã được xây dựng mới (Biểu số 12/BCĐP).
7. Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở công vụ đã được xây dựng mới (hoặc mua nhà ở làm nhà ở công vụ) (Biểu số 13a/BCĐP).
8. Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội đã được xây dựng mới (Biểu số 13b/BCĐP).

Chi tiết số liệu các bảng biểu trên có các phụ lục kèm theo

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân tổng hợp báo cáo để Sở Xây dựng được biết ./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT-HT.
- Gửi: VB giấy và điện tử;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tiến Hưng

Biểu số: 03/BCDP

Ban hành theo Thông tư số
06/TT-BXD ngày 10/10/2012
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng



**TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
(năm 2017)**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
1. Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn	Công trình	1	715	855
2. Tổng số công trình xây dựng được cấp GPXD	Công trình	2	24	29
2.1. Giấy phép xây dựng cấp cho công trình	Công trình	3	0	1
2.2. Giấy phép xây dựng cấp cho nhà ở đô thị	Công trình	4	24	25
2.3. Giấy phép xây dựng cấp cho nhà ở nông thôn	Công trình	5	0	3
2.4. Giấy phép xây dựng tạm	Công trình	6	1	
3. Số công trình được miễn GPXD	Công trình	7	599	761
4. Tổng số công trình xây dựng sai quy định	Công trình	8	92	65
4.1. Xây dựng không phép	Công trình	9	91	65
4.2. Xây dựng sai phép	Công trình	10	1	
5. Tỷ lệ công trình xây dựng có GPXD	%	11	4,2%	10,3%
5.1. Tỷ lệ công trình xây dựng được cấp GPXD tạm	%	13	4,2%	0,0%
5.2. Tỷ lệ nhà ở nông thôn được cấp GPXD	%	14	0	10,3%
6. Tỷ lệ công trình xây dựng sai GPXD	%	15	4,17%	0,00%

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



**SỐ LƯỢNG VÀ DÂN SỐ
ĐÔ THỊ
(Năm 2017)**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

	Mã số	Số lượng đô thị	Dân số toàn đô thị (người)	Trong đó:
				Dân số khu vực nội thị (người)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
2. Huyện Nghi Xuân	6			
Đô thị loại V	11	2	12.775	12.775

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



QUY HOẠCH XÂY DỰNG, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
(Năm 2017)

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

A. Báo cáo về quy hoạch vùng tỉnh

	Mã số	Năm phê duyệt	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch (ha)	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3
1. Quy hoạch vùng tỉnh	1				

B. Báo cáo về quy hoạch xây dựng khu chức năng

	Mã số	Quy hoạch chung xây dựng		Quy hoạch chi tiết/phân khu xây dựng	
		Năm phê duyệt	Diện tích quy hoạch (ha)	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)
A	B	1	2	3	4
I. Khu Du lịch gắn với Sân Golf và các vùng phụ cận xã Xuân Thành				1	570,11
1. Quy hoạch phân khu (1/2000)				1	570,11
2. Quy hoạch chi tiết 1/500				1	
<i>Quy hoạch chi tiết Khu du lịch biển và sân golf Xuân Thành, tỷ lệ 1/500</i>				1	109,93
II. Quy hoạch chung Xây dựng Thị trấn Nghi Xuân và vùng phụ cận đến năm 2025		2013	153,9		407,8

QHPK TT Nghi Xuân và vùng phụ cận, tỷ lệ 1/2000 (Đang triển khai lập)

III. Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Xuân An đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030		2013	1146,29	QHPK TT Xuân An, tỷ lệ 1/2000 (Đang triển khai lập)	354,2
--	--	------	---------	--	-------

C. Báo cáo về quy hoạch phân khu (quy hoạch chi tiết 1/2000), quy hoạch chi tiết 1/500

	Mã số	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)	Tỷ lệ phù hợp QHPK, QHCT đô thị	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
I. Quy hoạch phân khu					
1. Quy hoạch chung Xây dựng Thị trấn Nghi Xuân và vùng phụ cận đến năm 2025		1	153,9	100%	
2. Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Xuân An đến năm 2025 tầm nhìn đến 2030		1	1146,29	100%	
II. Quy hoạch chi tiết tại 2 đô thị					
Thị trấn Xuân An					
1. Khu Đô thị mới thị trấn Xuân An		1	27,32		
2. Khu đô thị Nam bờ Sông Lam		1	18,8		
3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Nhà hàng dịch vụ ăn uống và KDTH Bình Lộc		1	0,080		
4. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất cửa hàng xăng dầu và KDTH Châu Tuấn		1	0,809		
Thị trấn Nghi Xuân					
			11,950	1,04%	

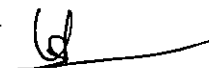
1. Quy hoạch chi tiết khôi phục bến Giang Đình và chợ Giang Đình, tại TT Nghi Xuân		1	11,820		
2. Khu dịch vụ thương mại thị trấn Nghi Xuân		1	0,130		

D. Báo cáo quy hoạch xây dựng nông thôn

	Mã số	Số xã của huyện	Số xã có quy hoạch được phê duyệt	Tỷ lệ xã có quy hoạch xây dựng nông thôn	Ghi chú
A	B	1	2	3=2/1	4
Tổng số	1	17	17	100%	Quy hoạch xây dựng NTM

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



BAN NHÂN



DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÔ THỊ
(Năm 2017)

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

	Mã số	Năm phê duyệt QHC	Diện tích đất toàn đô thị (ha)	Diện tích nội thành/nội thị (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị theo QHC được duyệt (ha)	Diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Trong đó đối với khu vực nội thị		
							Đất cây xanh (ha)	Đất giao thông (ha)	Trong đó
									Đất bến bãi đỗ xe (ha)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
2. Huyện Nghi Xuân	6								
Đô thị loại V	11	2013	1.300,17	1.300,17	1.300,17	1.300,17	124,97	138,76	0,50

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN

Biểu số:



DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Năm 2017)

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

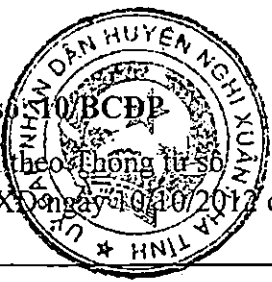
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

A	Mã số	Thành phố				Thị xã, thị trấn				Ngoài ranh giới thành phố, thị xã, thị trấn			
		Số lượng dự án	Trong đó	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)	Số lượng dự án	Trong đó	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)	Số lượng dự án	Trong đó	Quy mô đất dự kiến (ha)	Quy mô dân số dự kiến (người)
			Số lượng dự án mới				Số lượng dự án mới				Số lượng dự án mới		
B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I. Dự án khu đô thị mới													
1. Dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ phê duyệt		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Dự án thuộc thẩm quyền Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Khu đô thị mới Xuân An giai đoạn 1, tại thị trấn Xuân An huyện Nghi Xuân</i>						1	1	27,32	2.000				
<i>Khu đô thị Nam bờ Sông Lam</i>						1	1	18,8	1.500				
II. Dự án cải tạo, tái thiết đô thị													

UBND HUYỆN NGHI XUÂN 

Biểu số 10/BCDP

Ban hành theo Thông tư số 06/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng



HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

A	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia theo loại đô thị:					
				Loại đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
	B	C	I	2	3	4	5	6	7
1. Tổng công suất cấp nước thiết kế của nhà máy nước	m3/ngày	1	20.000						20.000
2. Tổng công suất khai thác của nhà máy nước	m3/ngày	2	7.000						7.000
3. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%	3	20						20
4. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	4	60						60
4.1. Tổng dân số thành thị được cung cấp nước sạch từ công trình cấp nước tập trung	Người	5	7.665						7.665
5. Mức cấp nước bình quân đầu người	L/người.ngđ	6	60						60
6. Tổng công suất các nhà máy xử lý nước thải	m3/ngày	7	0						
7. Tỷ lệ dân số thành thị được hưởng dịch vụ thoát nước	%	8	0						
8. Tỷ lệ chất thải rắn thông thường thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	%	9	20						20
8.1. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	Tấn	10	21						21
8.2. Tổng lượng chất thải rắn được thu gom	Tấn	11	11						11
8.3. Tổng lượng chất thải rắn xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	Tấn	12	20						20
9. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng			0						0

9.1. Tổng số đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn quy định	Đô thị	13	0						0
9.2. Tổng số đô thị có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	Đô thị	14	0						0
9.3. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	15	0						0
9.4. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định	%	16	0						0

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN






Ban hành theo Công văn số
06/TT-BXD ngày 10/10/2012
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**TỶ LỆ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU
CHẾ XUẤT,
KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHỆ CAO
XỬ LÝ
CHẤT THẢI RẮN VÀ NƯỚC THẢI ĐẠT
TIÊU CHUẨN,
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
TƯƠNG ỨNG**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

	Mã số	Khu công nghiệp (khu công nghiệp chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao	Khu công nghiệp xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định	Tỷ lệ khu công nghiệp xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	1	0	0	0
Khu công nghiệp	2	1	0	0
Khu chế xuất	3	0	0	0
Khu kinh tế	4	0	0	0
Khu công nghệ cao	5	0	0	0

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



Biểu số: 12/BCĐP
Ban hành theo Thông tư số 06/TT-BXD
ngày 10/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng

**TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở
ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG MỚI**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

	Đơn vị tính	Mã số	Nhà ở đã được xây dựng mới		Chia ra			
			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:
				Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại		Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại		Nhà ở đã được cải tạo xây dựng lại
A	B	C	1=3+5	2=4+6	3	4	5	6
1. Số nhà ở đã được xây dựng mới	Căn hộ/nhà ở	1	775	775	25	25	750	750
- Nhà ở riêng lẻ	Nhà ở	2	775	775	25	25	750	750
- Nhà ở chung cư	Căn hộ	3	0	0	0	0	-	0
2. Diện tích nhà ở đã được xây dựng mới	m2 sàn	4	56.875	56.875	2.125	2.125	54.750	54.750
- Nhà ở riêng lẻ	m2 sàn	5	56.875	56.875	2.125	2.125	54.750	54.750
- Nhà ở chung cư	m2 sàn	6	0	0	0	0	0	0

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



Ban hành theo Công văn số 06/TT-BXD
 ngày 10/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở
 CÔNG VỤ ĐÃ ĐƯỢC
 XÂY DỰNG MỚI (HOẶC MUA NHÀ Ở LÀM NHÀ Ở
 CÔNG VỤ)**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

A	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		Ghi chú
				Nhà chung cư	Nhà ở khác	
	B	C	1	2	3	4
1. Số nhà ở công vụ đã được xây dựng mới (hoặc mua)	Căn hộ/nhà ở	1	0	0	0	
- Xây dựng mới	-	2	0	0	0	
- Nhà ở đã mua làm nhà ở công vụ	-	3	0	0	0	
2. Diện tích nhà ở công vụ đã được xây dựng mới (hoặc mua)	m2 sàn	4	0	0	0	
- Xây dựng mới	-	5	0	0	0	
- Nhà ở đã mua làm nhà ở công vụ	-	6	0	0	0	

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN



Ban hành theo Thông tư số 06/TT-BXD
ngày 10/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**TỔNG SỐ NHÀ Ở VÀ TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ Ở XÃ
HỘI ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG MỚI**

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Nghi Xuân

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Xây dựng Hà Tĩnh

A	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia theo loại nhà		Chia theo nguồn vốn đầu tư	
				Nhà chung cư	Nhà ở riêng lẻ	Nhà nước đầu tư	Các thành phần kinh tế tham gia đầu tư
	B	C	1	2	3	4	5
1. Số nhà ở xã hội đã được xây dựng mới	Căn hộ/nhà ở	1	1	0	1	0	1
- Khu vực đô thị	Căn hộ/nhà ở	2	0	0	0	0	0
- Khu vực nông thôn	Căn hộ/nhà ở	3	1	0	1		1
2. Diện tích nhà ở xã hội đã được xây dựng mới	m2 sàn	4	55	0	55	-	55
- Khu vực đô thị	m2 sàn	5	0	0			
- Khu vực nông thôn	m2 sàn	6	55	0	55		55

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 3 năm 2018

UBND HUYỆN NGHI XUÂN